SỞ Y TẾ NINH THUẬN
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 305 /BVLVBP-KD
V/v xin báo giá mua sắm hóa chất y tế năm 2023.

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Các Đơn vị cung cấp hàng hóa, trang thiết bị y tế

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2023/NQ-CP ngày 04/03/2023 về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Hiện nay, Bệnh viện đang có kế hoạch mua sắm hóa chất y tế năm 2023 phục vụ công tác khám chữa bệnh cho bệnh nhân. Nếu Quý Công ty quan tâm, Bệnh viện kính mời Quý Công ty tham gia báo giá. Để có cơ sở căn cứ xác định giá gói thầu trong quá trình lập dự toán Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận thông báo đến các Đơn vị có tư cách hợp lệ và năng lực kinh nghiệm phù hợp, khẩn trương gửi các thông tin, báo giá trang thiết bị y tế để xem xét làm cơ sở xây dựng giá gói thầu đối với các danh mục Phụ lục đính kèm Công văn được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận, địa chỉ: https://benhvienlaophoininhthuan.com. Chi tiết cụ thể như sau:

1. Tên sản phẩm yêu cầu báo giá: Chi tiết tại danh mục đính kèm

(Ghi chú: Công ty có thể báo giá theo từng phần hoặc toàn bộ danh mục. Báo giá phải đảm bảo các quy định theo hướng dẫn tại Nghị định 98/2021/ NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ và đảm bảo giá cung cấp là giá thấp nhất trong quá trình bán hàng của công ty)

2. Nội dung báo giá: Theo biểu mẫu đính kèm.

(Ghi chú: Báo giá phải nêu rõ hiệu lực của báo giá và đính kèm các tài liệu chứng minh kê khai giá theo Nghị định 98/2021/ NĐ-CP)

3. Thời hạn nộp báo giá: Trước ngày 05 tháng 4 năm 2023, ngoài thời gian trên các báo giá gửi về không có giá trị
4. Các đơn vị gửi hồ sơ báo giá (Bảng giấy và dữ liệu bản mềm) về địa chỉ: Khoa Dược – Vật tư y tế Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận, QL1A, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước,tỉnh Ninh Thuận và File mềm gửi theo địa chỉ Mail: bvlvbpnt@yahoo.com.vn

Rất mong sự hợp tác của các công ty.

Nơi nhận :
- Như trên ;
- Đăng trên website benhvienlaophoininhthuan.com;
- Lưu VT,Khoa Dược.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH NINH THUẬN
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

Trần Trọng Danh

SỞ Y TẾ NINH THUẬN
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC HÓA CHẤT XIN BÁO GIÁ

(Đính kèm Công văn số /BVLVBP ngày /03/2023 của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận)

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Nhóm 6 trở lên	Anti A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai, ISO-13485 Bảo quản 2-8°C	Lọ 10ml	Lọ	8
2	Nhóm 6 trở lên	Anti AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai, ISO-13485. Bảo quản 2-8°C	Lọ 10ml	Lọ	8
3	Nhóm 6 trở lên	Anti B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai. ISO-13485. Bảo quản 2-8°C	Lọ 10ml	Lọ	8
4	Nhóm 6 trở lên	Bộ nhuộm Gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranine.	Chai 100ml/ Bộ 4 chai	Bộ	5
5	Nhóm 6 trở lên	Dung dịch nội kiểm Calib	Hóa chất dùng để chuẩn các xét nghiệm thường qui của sinh hóa máu. Bản chất là bột đông khô từ huyết thanh người và chất bảo quản	20 lọ x 5ml	Hộp	2
6	Nhóm 6 trở lên	CTNK sinh hóa Genaral Clinical Chemisstry Programme	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry (Chương trình Ngoại kiểm Sinh Hóa)	Hộp 6 lọ x 5ml	Hộp	3
7	Nhóm 6 trở lên	Chương trình ngoại kiểm huyết học (Haematology)	RIQAS Monthly Haematology (Chương trình Ngoại kiểm Huyết Học)	Hộp 3 lọ x 2ml	Hộp	1
8	Nhóm 6 trở lên	Dầu soi kính	Dùng để soi kính hiển vi	Chai 500ml	Chai	2

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
9	Nhóm 6 trở lên	Dung dịch Isotonac 3	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	Thùng 18 lít	can	40
10	Nhóm 6 trở lên	Dung dịch Hemolynac 3N	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	Chai 500ml	can	22
11	Nhóm 6 trở lên	Dung dịch Cleanac	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether	Thùng 5 lít	can	10
12	Nhóm 6 trở lên	Dung dịch Cleanac 3	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit	Thùng 5 lít	can	5

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
13	Nhóm 6 trở lên	Dung dịch Hemolynac 5	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.5 đến 9.5 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm	Chai 500ml	can	12
14	Nhóm 6 trở lên	Máu chuẩn Blood Trol 5D	Dùng để QC máy Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú"	lọ 3ml	lọ	3
15	Nhóm 6 trở lên	Prothrombin time Kit (PT)	Hóa chất PT bao gồm các thành phần: Recombinant human tissue factor, synthetic phospholipids, Calcium Chloride Reconstitution Buffer: 5% Tris Buffer Solution.	Hộp/ 6 x 4ml	hộp	2
16	Nhóm 6 trở lên	Activated Partial Thromboplastin Time Kit (APTT)	Hóa chất Activated Partial Thromboplastin Time Kit (APTT) bao gồm: -Hóa chất APTT bao gồm những thành phần: Mannitol, Cephalin, Silica -Dung dịch Calcicum Chloride: 0.025mol/L Calcicum Chloride	Hộp/ 6 x 4ml	hộp	1
17	Nhóm 6 trở lên	Fibrinogen Reagent Kit	Hóa chất Fibrinogen Reagent Kit (FIB) bao gồm: Thrombin Reagent bao gồm các thành phần: Bovine Thrombin, Calcium Chloride Imidazole Buffer bao gồm các thành phần: 5% Imidazole Buffer Solution	Hộp/ 6 x 4ml	hộp	1
18	Nhóm 6 trở lên	D-Dimer Kit	Hóa chất D-Dimer Kit (DD) bao gồm: -Hóa chất R1: Tris Buffer Solution. -Hóa chất R2: Suspension of latex particles coated with anti-human D-Dimer mouse monoclonal antibody.	R1: 4 x 5.5ml R2: 4 x2ml	hộp	5
19	Nhóm 6 trở lên	Coagulation Control Level I Kit	Chất kiểm chứng xét nghiệm đông máu mức 1.	12 x1ml	hộp	2
20	Nhóm 6 trở lên	Coagulation Control Level II Kit	Chất kiểm chứng xét nghiệm đông máu mức 2.	12 x1ml	hộp	2

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
21	Nhóm 6 trở lên	D-Dimer control Level I kit	Chất kiểm chứng D-Dimer mức I.	12 x1ml	hộp	1
22	Nhóm 6 trở lên	D-Dimer control Level II kit	Chất kiểm chứng D-Dimer mức II.	12 x1ml	hộp	1
23	Nhóm 6 trở lên	Nước rửa kim máy đông máu	Nước rửa kim máy đông máu. Sử dụng rửa cho nhiều loại máu đông máu	18 x 10mL	hộp	2
24	Nhóm 6 trở lên	Nước rửa máy đông máu	Dung dịch rửa máy. Sử dụng rửa cho nhiều loại máu đông máu	100mL	hộp	20
25	Nhóm 6 trở lên	Ống nghiệm Citrate 3.8%	- Kích thước ống: 12x75mm. - Màu nắp, nhãn ống: Xanh Lá. - Chất liệu ống: Được làm bằng nhựa PP. - Thuốc thử: Trisodium Citrate 3.8% 9NC. - Dung tích máu: 2ml có vạch định mức. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	hộp 100 ống	hộp	500
26	Nhóm 6 trở lên	Hoá chất ion đồ Reagent Pack	Phù hợp cho máy xét nghiệm Điện giải Electalyte-500. Dung dịch thuốc thử điện giải cho kết quả phân tích 5 thông số: K+, Na+, Cl-, Ca2+, pH:	Hộp 1 lít	Hộp	30
27	Nhóm 6 trở lên	Cleaning Solution	Dung dịch rửa máy. Sử dụng rửa cho nhiều loại máy khác nhau: Thành phần: Sodium Hypochlorite ≥ 5%	Hộp 100ml	Lọ	3
28	Nhóm 6 trở lên	Dung dịch nội kiểm Hum Asy Control 2	Phù hợp cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Chất kiểm chứng sinh hóa mức cao. Thành phần từ serum người, bao gồm 70 thông số. Độ bền mở nắp 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC, 70 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate.	20 lọ x 5 ml	Hộp	3
29	Nhóm 6 trở lên	Dung dịch nội kiểm Hum Asy Control 3	Phù hợp cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Chất kiểm chứng sinh hóa mức bình thường. Thành phần từ serum người, bao gồm 70 thông số. Độ bền mở nắp 7 ngày 2-8 °C hoặc 28 ngày ở -20°C, 70 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate.	20 lọ x 5 ml	Hộp	3
30	Nhóm 6 trở lên	CD 80-Detergent	Dung dịch làm sạch cho máy phân tích sinh hóa. Thành phần: Sodium hydroxide ≥ 3.6%. Bảo quản 15-25°C.	can 2 lít	can	5

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
31	Nhóm 6 trở lên	Nước tẩy quần áo	Nước tẩy JAVEN với công thức tẩy trắng từ Javel có tác dụng đánh bật các vết bẩn, vết ố của nước trái cây,... làm trắng cấp tốc các loại quần áo, khăn, đồ dùng bằng vải, bông, lanh, tơ nhân tạo màu trắng. Đặc biệt, sản phẩm còn có khả năng khử trùng và tẩy mùi các vật dụng vệ sinh gia đình như: đồ sứ, đồ nhựa, nhà bếp, bệnh viện...	Chai 1 lít	Chai	60
32	Nhóm 6 trở lên	Nước rửa máy sinh hóa	Phù hợp cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Chất tẩy rửa sử dụng cho máy sinh hoá tự động	Chai 2 lít	Chai	20
33	Nhóm 6 trở lên	$Na_2HPO_4.2H_20$ (di-Sodiumhydrogen phosphate dihydrate)	Thành Phần: Thử nghiệm (đo axit): ≥99.5 % Nhận dạng: vượt qua kiểm tra Giá trị pH (5 %; Nước): 9.0 - 9.2 Clorua (Cl): ≤0,001% Sulfate (S04): ≤ 0,005% Tổng số nitơ (N): ≤ 0,001% Metal type (as Pb): ≤ 0,001% Cu (Đồng): ≤ 0,0003% Fe (Sắt): ≤ 0,001% K (Kali): ≤ 0,005% Pb (Chì): ≤ 0,001	Hộp 1kg	Hộp	1

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
34	Nhóm 6 trở lên	Natri Citrate (Tri-Sodium citrate dihydrate)	Thành Phần: Thử nghiệm (tính theo độ khan): 99.0 --> 101.0 % Tính axit hoặc kiềm: Vượt qua kiểm tra Ph.Eur. Hình thức của giải pháp: Vượt qua thử nghiệm Ph.Eur. Nhận dạng (Citrate): Vượt qua kiểm tra Ph.Eur. Nhận dạng (Na): Vượt qua kiểm tra Ph.Eur. Tartaric acid: Vượt qua kiểm tra pH (25°C; 5 %): 7.5 --> 9.0 Kim loại nặng (as Pb): Tối đa 5 ppm Không hòa tan trong nước: Tối đa 50 ppm Axit oxalic: Tối đa 100 ppm Tổng N (Nitrogen): Tối đa. 10 ppm Nước: 11.0 -> 13.0% Cl (Clorua): Tối đa 10 ppm NH3 (Amoniac): Tối đa 30 ppm PO4 (Phosphat): Tối đa 20 ppm SO4 (Sulphate): Tối đa. 40 ppm As (Asen): Tối đa 1 ppm Ca (Canxi): Tối đa. 50 ppm Cu (Đồng): Tối đa 5 ppm Fe (Sắt): Tối đa 5 ppm Li (Lithium): Tối đa 5 ppm Pb (Chì): Tối đa 5 ppm	Hộp 500g	Hộp	1
35	Nhóm 6 trở lên	Ống nghiệm có chất chống đông EDTA	- Màu nắp, nhãn ống: Xanh Dương. - Chất liệu ống: được làm bằng nhựa PP. - Thuốc thử: Dipotassium - Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. - Dung tích máu: ≥ 2ml có vạch định mức. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Hộp 100 cái	Cái	10.000

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
36	Nhóm 6 trở lên	Ống nghiệm có hạt tinh thể ly tâm nhanh	-Kích thước ống: 12x75mm. -Màu nắp, nhãn ống: Đỏ. -Chất liệu ống: Được làm bằng nhựa PP. -Thuốc thử: Hạt polystiren tẩm hóa chất đông máu giúp kích hoạt quá trình đông máu diễn ra nhanh hơn từ 3-5 phút so với tốc độ đông máu thông thường 15-20 phút. -Dung tích máu: ≥ 2ml có vạch định mức. -Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Hộp 100 cái	Cái	10.000
37	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử ALT (GPT)	Định lượng nồng độ ALT/GPT trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	R1 6x44ml, R2 6x11ml	Hộp	12
38	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử AST (GOT)	Định lượng nồng độ AST/GOT trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	R1 6x44ml, R2 6x11ml	Hộp	12
39	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử CRP	Định lượng Creactive Protein High Sensitive Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	R1 2x40ml, R2 2x10ml	Hộp	15
40	Nhóm 6 trở lên	CRP CAL	Là hóa chất để định lượng thành phần C-Reactive Protein với độ nhạy cao có trong huyết thanh, huyết tương người Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	1x1ml	Hộp	2
41	Nhóm 6 trở lên	CRP CON L	Dùng để kiểm chuẩn cho các xét nghiệm CRP	1x1ml	Hộp	2
42	Nhóm 6 trở lên	CRP CON H	Dùng để kiểm chuẩn cho các xét nghiệm CRP	1x1ml	Hộp	2
43	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử Bilirubin Direct	Định lượng nồng độ Bilirrubin trực tiếp trong máu Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	R1 6x44ml, R2 6x11ml	Hộp	12
44	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử Bilirubin Total	Định lượng nồng độ Bilirrubin toàn phần trong máu Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	R1 6x44ml, R2 6x11ml	Hộp	12

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
45	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử Cholesterol	Định lượng nồng độ Cholesterol trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	10x44ml	Hộp	5
46	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử Creatinin	Định lượng nồng độ Creatinin trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	R1 5x44ml, R2 5x11ml	Hộp	12
47	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử Gama GT	Định lượng nồng độ GGT trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	R1 2x44ml, R2 2x11ml	Hộp	36
48	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử Glucose	Định lượng nồng độ Glucose trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	10x44 ml	Hộp	12
49	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử Protein TP	Định lượng nồng độ Protein trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	10x44 ml	Hộp	5
50	Nhóm 6 trở lên	Test thử nước tiểu toàn phần TC.101	Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid, Albumin, Creatinine, Calcium. Que thử sử dụng một lần. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp 100 test	Hộp	30
51	Nhóm 6 trở lên	Test HIV -1/2 3,0	Phát hiện và phân biệt kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần	Hộp 50 test	Test	1000
52	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử Triglyceride	Định lượng nồng độ Triglyceride trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	10x44 ml	Hộp	5
53	Nhóm 6 trở lên	Tube môi trường cấy lỏng (BBL MGPT)	Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. Mỗi ống chứa 110µL chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và 7mL canh trường Middlebrook 7H9. Bảo quản ở 2 - 25°C.	Ống 7ml/hộp 100 ống	Hộp	7

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
54	Nhóm 6 trở lên	Test định danh vi khuẩn lao (MGIT Tbe Idertification Test)	Dùng nguyên lý sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên MPT64 của nhóm Mycobacterium tuberculosis complex. Mỗi thanh hoá chất được đóng trong gói túi bạc Thanh hoá chất bao gồm một vạch thử nghiệm chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu-MPT64 và một vạch chứng chứa kháng thể kháng loài. Bảo quản ở 2 - 35°C.	Hộp 25test	Hộp	10
55	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử Urea	Định lượng nồng độ Urea trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	R1 5x44ml, R2 5x11ml	Hộp	12
56	Nhóm 6 trở lên	Thuốc thử Uric Acid	Định lượng nồng độ Uric Acid trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016	R1 5x44ml, R2 5x11ml	Hộp	4
57	Nhóm 6 trở lên	HBsAg	- Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy:100%, Độ đặc hiệu: 99.88% - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04 - Vạch kết qủa IgG chuột kháng HBsAg-B20 - Vạch chứng IgG dê kháng chuột - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Hộp 50 test	Test	3.000
58	Nhóm 6 trở lên	Anti HCV	- Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người - Độ nhạy: 100%,Độ đặc hiệu: 100 % - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng Igg người - Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210 - Vach chứng IgG người - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Hộp 50 test	Test	3.000
59	Nhóm 6 trở lên	Acid Chlohydric	Thành Phần: Thử nghiệm: 35.0 --> 38.0 % Xuất hiện: Chất lỏng trong suốt không màu	Chai 1000ml	Chai	10
60	Nhóm 6 trở lên	Acid acetic	Thử nghiệm (đo độ kiềm): ≥ 99.8 %	Chai 500ml	Chai	3

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
61	Nhóm 6 trở lên	Methylen blue	Bề ngoài (Màu sắc) Xanh lục đến Xanh đậm Xanh đậm Hình thức (Dạng) Bột Bột	lọ/100g	Lọ	2
62	Nhóm 6 trở lên	Fuchsine	Thành phần thuốc nhuộm Ziehl Neelsen	Lọ/100g	Lọ	2
63	Nhóm 6 trở lên	Phenol dạng tinh thể	Bề ngoài (Màu sắc) Không màu Ngoại hình (Dạng) Tinh thể	Chai/500g	Lọ	5
64	Nhóm 6 trở lên	Hóa chất chuẩn máy MGIT (Kit calibrator MGIT 960)	Bộ ống chuẩn cho máy cấy lao	17 ống/hộp	Hộp	2
65	Nhóm 6 trở lên	Chất hỗ trợ môi trường cấy lỏng (Kit bactec mgit 960 supplement)	Bộ ống chuẩn cho máy cấy lao	12 lọ x 15ml	Hộp	14
66	Nhóm 6 trở lên	KH_2PO_4 (Potassium dihydrogen phosphate)	Gồm lọ chứa 15mL chất làm giàu Middlebrook OADC và lọ chứa hỗn hợp kháng sinh đông khô. Bảo quản ở 2 -8°C.	Chai 1 kg	Chai	1
67	Nhóm 6 trở lên	Giấy đo độ pH	- Dạng cuộn, có kèm bảng màu để so sánh - Kích thước: dài 5 mét - Khoảng đo pH: 1-14 - Dùng đo pH dung dịch	cuộn 5m	cuộn	4
68	Nhóm 6 trở lên	Giấy chỉ thị nhiệt	Không chứa cao su tự nhiên. Độ dính tốt, đáng tin cậy. Mực không chứa Chì, không phải rác nguy hại. Băng co giãn , tránh bung băng trong quá trình tiệt khuẩn. Có thể viết lên các nhãn đã in sẵn.	24mm x 55m	cuộn	4
69	Nhóm 6 trở lên	NaOH	Thử nghiệm (acidimetric, NaOH): ≥ 99,0%	Hộp 1kg	Hộp	2

STT	NHÓM	TÊN HÀNG HÓA	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐÓNG GÓI	ĐVT	SỐ LƯỢNG
70	Nhóm 6 trở lên	Hóa chất làm tan đàm (N-Acetyl-L-Cysteine)	Xét nghiệm (đo i-ốt): ≥ 99,0% Nhận dạng (phổ hồng ngoại): vượt qua bài kiểm tra Xuất hiện: từ trắng đến gần như trắng, bột kết tinh hoặc tinh thể không màu Xuất hiện dung dịch (1 mol / I, nước): trong và không màu Thông số kỹ thuật. quay (a 20 / D, 50 g / I, đệm pH 7,0): +21,0 đến +27,0 Kim loại nặng (như Pb): ≤ 0,001% NH. (Amoni): ≤ 0,01% L-cysteine (HPLC): ≤ 0,02% Các chất dương tính với ninhydrine khác: ≤ 0,1%	Lọ 25gr	Lọ	10
71	Nhóm 6 trở lên	Hóa chất chuẩn may khí máu	Hóa chất chuẩn cho máy khí máu điện giải I- Smart 300	30 x 2,5ml	Hộp	2
72	Nhóm 6 trở lên	Cartridge Carepak 110	Hóa chất dùng cho máy khí máu điện giải i-Smartcare 10	100 Test/Hộp	Hộp	5
73	Nhóm 6 trở lên	Bơm tiêm 1ml tráng Heparin	Quy cách đóng gói: 50 cái/hộp	50 cái/hộp	Cái	500
74	Nhóm 6 trở lên	Cuvette máy đông máu	Vòng Cuvette phản ứng được làm bằng nhựa quang học.	6 x 1000cái/vòng	Vòng	2
75	Nhóm 6 trở lên	Cuvette máy sinh hóa	Cuvette phản ứng bằng nhựa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa		hộp	6
76	Nhóm 6 trở lên	Bóng đèn máy sinh hóa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa		Cái	6
77	Nhóm 6 trở lên	Thuốc nhuộm Giemsa đậm đ	Nồng độ ≥ 99.5%	Lọ 100ml	Lọ	3
78	Nhóm 6 trở lên	Cồn tuyệt đối	Nồng độ ≥ 99.5%	Chai 1 lít	Chai	10

Công ty:
Địa chỉ:

BẢNG BÁO GIÁ HÓA CHẤT

Kính gửi: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận

STT	TÊN HÓA CHẤT	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	HÃNG SẢN XUẤT	NƯỚC SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Đồng)	THÀNH TIỀN (Đồng)	PHÂN NHÓM THEO TT14	GIÁ KÊ KHAI THEO NGHỊ ĐỊNH 98	MÃ KÊ KHAI	GIÁ TRÚNG THẦU THẤP NHẤT TRONG 120 NGÀY (Có hợp đồng đính kèm) (Nếu có)
1	.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
2	.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
3	.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Giá trên đã bao gồm:.....
Báo giá có hiệu lực trong vòng..... kể từ ngày ký

....., ngày..... tháng..... năm 2023
Giám đốc công ty
(Ký tên và đóng dấu)